

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ QUỐC GIA DÂN TỘC Ở ĐÔNG DƯƠNG THỜI KỲ 1930 - 1945

NGUYỄN VĂN CHUNG*

Vấn đề quốc gia dân tộc và việc xác định vị trí, vai trò của vấn đề dân tộc và giai cấp là một nội dung cơ bản, xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng. Trong thời kỳ 1930 - 1941, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã đưa ra những quan điểm, chủ trương không thống nhất trong việc giải quyết vấn đề quốc gia dân tộc ở Đông Dương cũng như việc xác định vị trí, vai trò của vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc. Bài viết này mong muốn làm sáng tỏ hơn quan điểm, chủ trương, sự phát triển nhận thức của Đảng trong việc giải quyết vấn đề quốc gia dân tộc trong quan hệ giữa ba nước Đông Dương thời kỳ 1930 - 1941, một vấn đề mà có lúc đã diễn ra những tranh luận không kém phần gay gắt trong nội bộ những người cộng sản Việt Nam vào những năm 30 của thế kỷ XX.

Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc tại Hội nghị thành lập Đảng

Vào cuối năm 1929, đầu năm 1930, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ với sự ra đời của ba tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Ba tổ chức cộng sản ra đời hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau làm phân hóa lực lượng cách mạng toàn dân tộc. Trước tình hình đó, ngày 27-10-1929 Quốc tế Cộng sản đã ra Chỉ thị *Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương* và nêu rõ: “Nhiệm

vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là việc thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương”¹. Bản Chỉ thị này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng ở Đông Dương, góp phần thúc đẩy quá trình thống nhất Đảng, chấm dứt sự chia rẽ trong phong trào cộng sản và công nhân nước ta. Nguyễn Ái Quốc lúc đó đang hoạt động ở Xiêm, không biết tới bản Chỉ thị này, nhưng khi biết được sự chia rẽ trong phong trào cộng sản ở trong nước, “với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương”, Nguyễn Ái Quốc đã đi Hương Cảng, Hồng Kông, gửi thư mời đại diện các tổ chức cộng sản sang Hồng Kông bàn việc hợp nhất. Đây là sáng kiến vừa chủ động, vừa kịp thời của Nguyễn Ái Quốc.

Tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930, dưới sự chủ tọa của Nguyễn Ái Quốc, các đại biểu đã nhất trí xóa mọi thành kiến, thành thật hợp tác để thống nhất tổ chức, thành lập một Đảng Cộng sản chân chính lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt. Các văn kiện này hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Cương lĩnh xác định chiến lược của cách mạng Việt Nam là tiến hành “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để

* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.

đi tới xã hội cộng sản”. Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; chủ trương thành lập Mặt trận phản đế; lập chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông; thủ tiêu hết các thứ quốc trái, thu hết sản nghiệp, ruộng đất của tư bản đế quốc để giao cho chính phủ công nông binh quản lý và chia cho dân cày nghèo.

Với các chủ trương và nhiệm vụ trên, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã giải quyết vấn đề quốc gia dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương. Chủ trương này được thể hiện qua ba điểm: (1) Đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam; (2) Chủ trương sau khi đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến sẽ thành lập một nước Việt Nam độc lập; (3) Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất của dân tộc Việt Nam.

Quyết định thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ nước Việt Nam của Hồ Chí Minh là một quyết định hết sức dũng cảm và đầy tinh thần trách nhiệm của Người trước giai cấp vô sản, các dân tộc Đông Dương và trước phong trào cách mạng thế giới. Bởi vì lúc này, mô hình Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết (Liên Xô) và Đảng Cộng sản Liên Xô đang là mẫu hình lý tưởng cho Quốc tế Cộng sản và các Đảng Cộng sản trên thế giới. Nhưng Nguyễn Ái Quốc đã không học tập, áp dụng mô hình Nhà nước Liên bang cũng như thành lập Đảng Cộng sản chung cho cả ba nước Đông Dương, mà quyết định thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ trương sau khi đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp và bọn phản động sẽ thành lập một nước Việt Nam độc lập. Cơ sở, nền tảng cho quyết định đó là trình độ hiểu biết sâu sắc, xuất phát từ đặc điểm lịch sử, chính trị, xã hội của ba nước Đông Dương; là sự vận dụng một cách sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc.

2. Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc từ Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 đến năm 1940

Sau Hội nghị thành lập Đảng, tháng 10-1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp dưới sự chủ trì của đồng chí Trần Phú, người vừa trở về sau thời gian học tập ở Quốc tế Cộng sản và mang theo tinh thần chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản để hoạch định đường lối cho cách mạng Đông Dương.

Dựa theo quan điểm của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 đã cho rằng, Hội nghị hợp nhất đã mắc phải một số sai lầm, như “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu”; phê phán cách đặt tên Đảng cũng như chủ trương tập hợp, đoàn kết các lực lượng, giai cấp, đảng phái trong cách mạng giải phóng dân tộc. Trên cơ sở đó, Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 đã quyết định thủ tiêu Chính cương, Sách lược văn tắt của Hội nghị hợp nhất, đồng thời thông qua Dự án để thảo luận trong Đảng (Luận cương chính trị).

Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một “cuộc cách mạng tư sản dân quyền”, “có tính chất thổ địa và phản đế”. Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là “tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để” và “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”.

Khác với Hội nghị thành lập Đảng, Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 đã chủ trương giải quyết vấn đề quốc gia dân tộc trong cả ba nước Đông Dương. Chủ trương này được thể hiện qua ba điểm: (1) Đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương; (2) Chủ trương tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc trên cả ba nước Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn

toàn độc lập; (3) Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chung cho cả ba nước Đông Dương.

Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong cả ba nước Đông Dương tại Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 là theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản. Dựa trên cơ sở ba nước Đông Dương có cùng vị trí địa lý, có điều kiện chính trị, kinh tế như nhau, cùng là thuộc địa của Pháp và mong muốn sử dụng mô hình Liên bang Xôviết, nên Quốc tế Cộng sản đã chủ trương thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất ở Đông Dương. Việc làm này của Quốc tế Cộng sản đã chứng tỏ rằng tổ chức này chưa chú ý đến vấn đề dân tộc, chưa thấy hết được đặc điểm chính trị, lịch sử, văn hóa của mỗi nước Đông Dương. Làm như vậy, Quốc tế Cộng sản đã tự mâu thuẫn với mình, bởi vì tại Đại hội lần thứ VI năm 1928, Quốc tế Cộng sản đã nhấn mạnh các Đảng Cộng sản phải hết sức chú ý đến vấn đề dân tộc, tùy theo trường hợp cụ thể mà nghiên cứu cẩn thận ảnh hưởng đặc biệt của yếu tố dân tộc, là yếu tố quyết định phần lớn tính độc đáo của cách mạng thuộc địa.

Từ sau Hội nghị Trung ương tháng 10-1930, theo sự chỉ đạo và đường lối chung của Quốc tế Cộng sản, Đảng tiếp tục thực hiện chủ trương giải quyết vấn đề quốc gia dân tộc chung trong cả ba nước Đông Dương, quyết định thành lập một hình thức Mặt trận chung cho nhân dân ba nước Đông Dương, chủ trương sau khi đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp sẽ thành lập Chính phủ Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra (9-1939), Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời họp Hội nghị Trung ương 6 (11-1939) và Hội nghị Trung ương 7 (11-1940) để đề ra chủ trương, đường lối mới cho cách mạng Đông Dương.

Hội nghị Trung ương 6 đã khẳng định yêu cầu cấp thiết của cách mạng Đông Dương lúc

này là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hội nghị khẳng định: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”². Trên cơ sở đó, các hội nghị này đã chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương nhằm chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phát xít, đánh đổ đế quốc Pháp và bè lũ tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương; đồng thời, tiếp tục thực hiện chủ trương sau khi đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, phát xít Pháp - Nhật, giải phóng dân tộc sẽ thành lập Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương - hình thức chính quyền chung cho tất cả các tầng lớp nhân dân Đông Dương.

Như vậy, từ Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 đến Hội nghị Trung ương 7 (11-1940), Đảng đã chủ trương giải quyết vấn đề quốc gia dân tộc trong cả ba nước Đông Dương, như: đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chung cho cả ba nước Đông Dương, lập Chính phủ Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương. Chủ trương này hoàn toàn khác với chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau trong cách giải quyết vấn đề này, trong đó nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ sự nhận thức, mức độ am hiểu khác nhau giữa các chủ thể về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng tư sản dân quyền; về đặc điểm, tình hình chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa của ba nước Đông Dương cũng như ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài đến mỗi chủ thể nhận thức.

Có thể nói, trong quá trình lãnh đạo cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam, Quốc tế Cộng sản đã có nhiều sự chỉ đạo, giúp đỡ hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương. Sự chỉ đạo, giúp đỡ ấy là tương đối toàn diện, từ tổ chức, tư tưởng, chính trị, đào tạo cán bộ, chu cấp về tài chính đến việc thiết lập các đường dây liên lạc. Trong bối cảnh ấy, việc Đảng Cộng sản Đông Dương và một số nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam phê phán và phủ nhận những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc là điều có thể hiểu được. Các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong là những người nhận trách nhiệm cao nhất với Quốc tế Cộng sản về việc thực hiện nghị quyết của Quốc tế Cộng sản trong phong trào cách mạng ở Đông Dương, do vậy không thể làm trái những điều đã được Quốc tế Cộng sản chỉ dẫn.

3. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (5-1941) với chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong từng nước Đông Dương

Tháng 1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Trong bối cảnh tình hình trong nước và thế giới có những biến động to lớn, để đẩy mạnh phong trào cách mạng trong nước, thay đổi chiến lược cho phù hợp với tình hình mới, Hồ Chí Minh đã chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941).

Sau khi phân tích tình hình trong nước và thế giới, Hội nghị quyết định thay đổi chiến lược: “Sự thay đổi về kinh tế, chính trị Đông Dương, sự thay đổi thái độ, lực lượng các giai cấp Đông Dương, buộc Đảng ta phải thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho hợp với nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân Đông Dương, cho phù hợp với tình hình thay đổi, Đảng ta phải có một chính sách cách mạng thích hợp với tình trạng ấy, mới chỉ dẫn cuộc cách mạng đến thắng lợi chắc chắn”³. Nghị quyết giải thích rõ về nội dung sự thay

đổi đó: “Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”⁴. Từ quyết định thay đổi chiến lược, Hội nghị Trung ương lần này đã giải quyết một cách thỏa đáng mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Hội nghị xác định: “Vấn đề giai cấp đấu tranh vẫn tồn tại mãi. Nhưng trong giai đoạn hiện tại, quốc gia trước hết thì tắt thở những yêu sách của bộ phận mà có hại đến quyền lợi của toàn thể, của giai cấp và có hại đến quyền lợi của dân tộc, thì phải gác lại để giải quyết sau”⁵. Từ đó, Hội nghị nhấn mạnh: “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁶.

Từ chủ trương nêu cao vấn đề giải phóng dân tộc, giành lại độc lập, tự do cho đồng bào, mà Đảng ta đã trở lại với chủ trương giải quyết vấn đề quốc gia dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương như tại Hội nghị thành lập Đảng. Các dân tộc sống trên bán đảo Đông Dương sẽ tự quyết định vận mệnh của mình, tương lai của đất nước mình. Hội nghị nêu rõ: “Nói đến vấn đề dân tộc, tức là đã nói đến sự tự do, độc lập của mỗi dân tộc tùy theo ý muốn của mỗi dân tộc. Nói như thế nghĩa là sau lúc đánh đuổi Pháp - Nhật, ta phải thi hành đúng chính sách “dân tộc tự quyết” cho dân tộc Đông Dương... Văn hóa của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại, tiếng mẹ đẻ của các dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại và được bảo đảm. Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”⁷. Hội nghị nhấn mạnh: “Riêng dân tộc Việt Nam... Sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân

chủ mới theo tinh thần tân dân chủ”⁸. Trong Chương trình Việt Minh, mục tiêu này được nói rõ hơn: “Sau khi đánh đổ đế quốc, phát xít Nhật, Pháp, sẽ lập một chính phủ cách mạng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, theo tinh thần tân dân chủ, lấy cờ đỏ giữa có ngôi sao vàng năm cánh làm cờ chung của nước”⁹.

Quán triệt tư tưởng đó, Hội nghị lần này đã quyết định xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất cho mỗi dân tộc Việt Nam, Lào, Cao Miên nhằm tạo ra sự chủ động, thức tỉnh được tinh thần dân tộc trong nhân dân. Hội nghị cho rằng: “Mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay không thể gọi như trước là Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, mà phải đổi ra cái tên khác cho có tính dân tộc hơn, cho có một mảnh lực để hiệu triệu hơn và nhất là có thể thực hiện được trong tình thế hiện tại”¹⁰. Từ sự phân tích và nhận định đó, Hội nghị đã thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh), đồng thời chủ trương phải hết sức giúp đỡ các dân tộc Cao Miên, Lào tổ chức ra Cao Miên độc lập đồng minh và Ai Lao độc lập đồng minh.

Sau khi ra đời, ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh đã công bố Chương trình hành động và nêu rõ mục tiêu của mình là: “1. Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; 2. Làm cho nước Việt Nam được sung sướng, tự do”¹¹. Chương trình cũng nêu chủ trương sau khi giành được chính quyền sẽ thành lập chính quyền cách mạng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thành lập Mặt trận Việt Minh đánh dấu một bước tiến mới của Đảng trong việc nhận thức vấn đề dân tộc và giai cấp trong quan hệ giữa ba nước Đông Dương. Đó cũng là sự khẳng định trong thực tế những tư tưởng đúng đắn và sáng tạo của Hồ Chí Minh về vấn đề này, một vấn đề mà có lúc đã diễn ra những tranh luận không kém phần gay gắt trong nội bộ những nhà lãnh đạo Việt Nam trong những năm 30 của thế kỷ XX.

Có thể nói, chủ trương của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng trong việc giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, thể hiện sự nhạy bén chính trị, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đông Dương và trên hết chủ trương đó thấm nhuần một cách sâu sắc chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền dân tộc tự quyết của các quốc gia dân tộc Đông Dương.

Thứ nhất, chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử, đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội của mỗi nước Đông Dương. Cái tên “Liên bang Đông Dương” là do thực dân Pháp lập ra vào năm 1887, bao gồm Việt Nam (bị chia làm ba kỳ), Campuchia và Lào, dưới sự cai trị của một viên Toàn quyền Đông Dương. Như vậy, Liên bang Đông Dương không phải là sự liên hợp tự nguyện của ba dân tộc và trên thực tế ba nước Đông Dương vẫn tồn tại với tư cách là ba quốc gia riêng biệt, có truyền thống sâu xa về mặt lịch sử, văn hóa mà không một sức mạnh nào có thể xóa nổi.

Thứ hai, chủ trương đó là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề độc lập dân tộc và quyền dân tộc tự quyết vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam và Đông Dương. Khi Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh vấn đề dân tộc không có nghĩa là bị chi phối bởi chủ nghĩa dân tộc cực đoan, mà chính là đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, đã phát triển chủ nghĩa dân tộc lên một mức độ mới. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848), C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu rõ: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung không phải là cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc”¹². C.Mác và Ph.Ăngghen nhấn mạnh: “Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai

cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”¹³. Theo lập luận đó thì trước hết, mỗi đảng phải chịu trách nhiệm trước vận mệnh của dân tộc mình. Giai cấp vô sản tồn tại trong từng quốc gia dân tộc, vì thế trước khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử thế giới, giai cấp vô sản phải hoàn thành sứ mệnh lịch sử với dân tộc mình.

Thứ ba, chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương là thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh - một tư tưởng nhất quán trong đường lối, chủ trương cách mạng do Người đề ra, trong các tổ chức do Người sáng lập. Người chỉ có “một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹⁴. Hồ Chí Minh đã giải thích việc đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam như sau: “Cái từ Đông Dương rất rộng và theo nguyên lý của chủ nghĩa Lênin, vấn đề dân tộc là một vấn đề rất nghiêm túc, người ta không thể bắt buộc các dân tộc khác gia nhập Đảng, làm như thế là trái với nguyên lý của chủ nghĩa Lênin. Còn cái từ An Nam thì hẹp, vì An Nam chỉ là miền Trung của nước Việt Nam mà thôi và nước ta có ba miền: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ. Do đó, từ Việt Nam hợp với cả ba miền và không trái với nguyên lý Lênin về vấn đề dân tộc”¹⁵.

Có thể nói, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) là sự khẳng định lại một lần nữa đường lối chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh đã được đề ra tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930. Nghị quyết của Hội nghị có vai trò, tác động trực tiếp đến toàn bộ sự vận động và phát triển của phong trào cách mạng ở Việt Nam và Đông Dương; phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của cách mạng mỗi nước; tăng cường tính đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương; đập tan những luận điệu xuyên tạc, gây chia rẽ của kẻ thù; đặt cơ sở, tiền đề cho sự ra đời của nước Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa và Nhà nước Lào độc lập vào năm 1945. Với những ý nghĩa và tác động to lớn đó, có thể khẳng định rằng, chủ trương giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu đã trở thành nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chú thích

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr.614.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.536.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.118.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.119.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.113.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.113.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.113.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.114.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.146.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.122.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.470.
12. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.611.
13. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.611.
14. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.161.
15. *Chủ tịch Hồ Chí Minh - tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.68.